TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 147/2025/DS-PT Ngày 26 tháng 6 năm 2025 V/v "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài

Các thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh và ông Đào Chí Keo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

Do Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị bị đơn là bà Néang Kim L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Néang Sa V, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà B, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Néang Kim L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường N, tổ C, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

3. Người làm chứng:

- Bà Néang Sa V, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

- Bà Néang Sóc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

- Bà Néang D, sinh năm 1982, địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

- Bà Néang K, sinh năm 1970, địa chỉ: Số nhà B, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

- Bà Néang H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

- Bà Sa Rây V1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

* Phiên dịch viên: Ông Chau Vit T1 – Phiên dịch viên Phòng D1 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Néang Sa Vong trình bày:

Giữa bà V1 và bà L có tham gia chơi hụi với nhau bà L là chủ hụi và bà V1 là hụi viên cụ thể như sau:

- Loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/10/2020 một tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, có tổng 38 phần được chia làm 02 dây hụi (một dây hụi là 19 phần), mỗi dây hụi bà Sa V1 tham gia 01 phần hụi; bà V1 đã hốt 01 dây hụi và nhận tiền vào ngày 17/9/2021 được số tiền 15.800.000 đồng và bà L có đưa giấy giao tiền hụi cho bà Sa V1 giữ; còn lại 01 dây hụi chưa hốt ngày kết thúc hụi là ngày 15/4/2022, bà Sa V1 hốt hụi chót được số tiền 18.000.000 đồng, nhưng đến nay bà Kim L vẫn chưa giao tiền.

- Loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 25/11/2020, có 28 phần hụi, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, bà Sa V1 tham gia 02 phần hụi, ngày kết thúc hụi là ngày 25/02/2023, bà Sa V1 hốt hụi chót được số tiền là 54.000.000 đồng, đến nay bà Kim L Vẫn chưa giao tiền. Bà Sa V1 khởi kiện yêu cầu bà Kim L phải giao trả số tiền tổng cộng 02 dây hụi là 72.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Do tại thời điểm khởi kiện bà quên khấu trừ tiền huê hồng bà L được hưởng là 500.000 đồng/chân hụi, tổng 03 chân là 1.500.000 đồng, nay tại phiên toà bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Kim L trả số tiền 70.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả đối với dây hụi ngày 15/10/2020 số tiền là 17.500.000 đồng yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 18/4/2022; đối với dây hụi mở ngày 25/11/2020 số tiền là 53.000.000 đồng yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh từ ngày 28/02/2023, tiền lãi yêu cầu tính tròn tháng, không tính số ngày lẻ.

Bị đơn Néang Kim L và người đại diện theo uỷ quyền Ngô Văn S trình bày: Bà Kim L có làm chủ hụi, bà Sa V1 có tham gia chơi hụi các dây hụi như lời trình bày của bà V1 nhưng cả 04 phần hụi bà V1 tham gia đều đã hốt hụi và nhận đủ tiền hụi cụ thể:

- Hụi mở ngày 15/10/2020, kết thúc ngày 15/4/2022 loại hụi 1.000.000 đồng, hụi hưởng hoa hồng, có tổng cộng 38 phần hụi, hụi này chia làm 02 dây mỗi dây là 19 phần, bà Sa V1 tham gia 02 phần ở 02 dây hụi gồm: Dây hụi số 1

có 17 người tham gia, với 19 phần hụi bà V1 tham gia 01 phần; Dây hụi số 2 có 15 người tham gia, với 19 phần hụi bà V1 tham gia 01 phần.

Tại lần khui hui thứ 12 bà Sa V1 bỏ thăm 120.000 đồng trúng hụi, hốt cùng lúc 02 phần hụi ở 02 dây hụi được số 17.160.000 đồng/dây trừ lại tiền hoa huê hồng 500.000 đồng và tiền nợ hụi tháng 8/2021 chưa chầu là 880.000 đồng, còn lại bà V1 được nhận 15.780.000 đồng/dây, đến ngày 17/9/2021 bà L đã giao tiền cho bà V1 kèm tờ giấy tổng hợp số tiền hốt hụi cho bà V1 tại nhà của bà Néang Sa V. Tổng cộng 02 dây hụi số tiền bà L đã giao cho bà V1 là 31.600.000 đồng. Dây hụi này người hốt hụi chót là bà Nô R (mẹ ruột bà L).

- Hụi ngày 25/11/2020 có 28 phần hụi chỉ có 01 dây hụi, ngày kết thúc hụi là ngày 25/02/2023, bà Sa V1 tham gia 02 phần và đã hốt hụi cả 02 phần hụi tại lần khui hụi thứ 11 ngày 25/9/2021 và lần khui hụi thứ 23 ngày 25/9/2022 bà V1 đều bỏ thăm là 170.000 đồng trúng hụi, tại lần khu hụi thứ 11 hốt được số tiền 24.110.000 đồng, trừ tiền huê hồng 500.000 đồng tiền nợ hụi sống chưa chầu 830.000 đồng, số tiền còn lại được nhận 22.780.000 đồng; tại lần khui hụi thứ 23 hốt được số tiền 26.150.000 đồng, trừ tiền huê hồng 500.000 đồng và tiền hụi chết 01 phần 1.000.000 đồng số tiền bà V1 được nhận là 24.650.000 đồng. Cả 02 lần giao hụi đều có ghi giấy số tiền hụi hốt được và giao cho bà V1 giữ, địa điểm giao 01 lần giao ngoài đường lớn, 01 lần giao tại nhà bà L cả 02 lần giao tiền đều không làm biên nhận, không ai nhìn thấy, chứng kiến, không ai biết việc giao tiền. Dây hụi này người hốt hụi chót là bà Néang T.

Các lần giao hụi bà Kim L đều có ghi giấy số tiền hụi và đưa cho bà Sa V1 giữ nên không còn giữ giấy tờ gì hết. Hiện nay, bà Sa V1 khởi kiện yêu cầu bà Kim L trả số tiền 70.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp bà L không đồng ý vì đã giao tiền hụi đủ cho bà Sa V1 khi hốt hụi. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện vì cho rằng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đã hết.

Lời khai những người làm chứng:

* *Néang Sa V:* Bà V có tham gia chơi hụi 02 dây hụi mở ngày 15/10/2020 do bà Kim L làm chủ đến ngày 15/9/2021 bà V có thấy bà Kim L giao hụi cho bà Sa V1 tại nhà bà V nhưng giao bao nhiêu tiền thì không biết và cũng không rõ giao tiền của bao nhiêu dây hụi nhưng thường thì nếu hụi viên tham gia 02 dây thì mỗi tháng chỉ cho hốt 01 dây hụi không thể cho hốt cùng lúc 02 dây hụi, ngoài lần giao tiền ngày 15/9/2021 thì không thấy bà L giao tiền lần nào nữa cho bà V1.

* *Néang Sóc T:* Bà T có tham gia chơi dây hụi mở ngày 25/11/2020, biết trong danh sách chơi hụi có tên bà V1 được ghi thành "Chị V2" nhưng không biết mặt bà V1, dây hụi này bà V1 tham gia 02 phần hụi, bà T là người hốt hụi chót được số tiền là 27.500.000 đồng, hốt hụi xong bà L giao tiền và có giao giấy ghi số tiền lĩnh hụi được cho bà T nhưng lâu quá bỏ mất giấy hụi không nhớ thời gian cụ thể hốt hụi và giao tiền. Bà T không rõ bà V1 hốt hụi của bà L khi nào, hốt bao nhiêu phần chỉ nghe bà L nói bà V1 đã hốt rồi nhưng không rõ

bà V1 hốt được bao nhiêu tiền và bà L có đưa tiền cho bà V1 hay chưa, thường thì chơi hụi với nhau mỗi tháng chỉ được một người hốt hụi và được hốt 01 chân hụi.

* *Néang D:* Bà D có tham gia chơi dây hụi mở ngày 25/11/2020, biết trong danh sách chơi hụi có tên bà V1 được ghi thành "Chị V2", nhưng không biết mặt bà V1, bà V1 tham gia 02 phần hụi, bà V1 đã hốt hết 02 phần hụi, rồi đến bà D hốt hụi nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể do quá lâu, không nhớ hụi khui đến lần thứ mấy thì hốt.

* *Néang Khmao:* Bà K có tham gia 02 loại hụi do bà L làm chủ gồm loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/10/2020 và hụi 1.000.000 đồng mở ngày 25/11/2020, mỗi loại hụi bà K tham gia 02 phần và đã hốt hết 04 phần hụi chia làm 04 lần hốt nhưng không nhớ thời gian cụ thể và số tiền. Bà K có nghe bà L nói bà V1 hốt hụi rồi nhưng không rõ hốt bao nhiêu phần hụi, được bao nhiêu tiền và bà L có đưa tiền cho bà V1 hay không, không biết hốt khi nào, tuy nhiên khi chơi hụi thì mỗi tháng chỉ được 01 người hốt hụi và hốt 01 phần hụi.

* *Néang Honh:* Bà Néang H có tham gia 02 loại hụi do bà L làm chủ gồm loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/10/2020, tham gia 02 phần và hụi 1.000.000 đồng mở ngày 25/11/2020 tham gia 01 phần hụi. Đối với hụi mở ngày 15/10/2020 bà V1 đã hốt hết 02 phần hụi nhưng không biết được bao nhiêu tiền và không biết bà L đã giao tiền cho bà V1 chưa, bà V1 hốt xong rồi đến bà H hốt hụi cùng lúc 02 phần hụi và được giao số tiền khoảng hơn 30.000.000 đồng và có ghi giấy giao tiền hụi. Đối với hụi mở ngày 25/11/2020 thì không biết bà V1 có tham gia hay không do thời gian đã quá lâu không nhớ.

* *Sa Rây V1:* Bà Rây V1 có tham gia chơi dây hụi mở ngày 25/11/2020, biết trong danh sách chơi hụi có tên bà Sa V1 được ghi thành "Chị V2", nhưng không biết mặt bà V1, bà V1 tham gia 02 phần hụi và đã hốt hết 02 phần hụi, phần hụi thứ nhất bà V1 hốt xong rồi tới bà Rây V1, phần hụi thứ 2 có khoảng 5-6 người hốt hụi trước rồi đến bà Rây V1 và đến bà Sa V1. Do thời gian quá lâu không nhớ đến lần thứ mấy thì hốt hụi và cũng không nhớ hốt được bao nhiêu tiền.

Toà án đã tiến hành hoà giải giữa các đương sự nhưng không thành.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Néang Sa V đối với bà Néang Kim L.

Buộc bà Néang Kim L phải trả cho bà Néang Sa V số tiền 86.204.000 đồng (tám mươi sáu triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, bị đơn là bà Néang Kim L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T xét xử và tuyên án ngày

27/3/2025. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T xét xử và tuyên án vào ngày 27/3/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Néang Kim L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Néang Kim L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bà Néang Kim L kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Néang Kim L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T xét xử và tuyên án ngày 27/3/2025. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T xét xử và tuyên án vào ngày 27/3/2025. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Néang Sa V3.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau dây hụi do bị đơn làm chủ gồm 02 loại hụi cùng mệnh giá 1.000.000 đồng chia tổng cộng làm 03 dây hụi gồm hụi mở ngày 15/10/2020, có tổng cộng 38 phần hụi, hụi này chia làm 02 dây mỗi dây là 19 phần bà Sa V3 tham gia 02 phần, hụi khui mở song song cùng lúc 02 dây hụi vào ngày 15 hàng tháng, nguyên đơn xác định đã hốt một dây hụi và được giao số tiền 15.800.000 đồng vào ngày 17/9/2021, còn 01 dây hụi hốt chót vào ngày 15/4/2022 nhưng chưa giao tiền tương ứng số tiền 18.000.000 đồng chưa trừ tiền huê hồng; bị đơn xác

định nguyên đơn đã hốt hụi cả 02 dây và giao số tiền 31.600.000 đồng vào ngày 17/9/2021.

Dây hụi mở ngày 25/11/2020, ngày kết thúc là ngày 25/02/2023, có 28 phần hụi, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, bà Sa V3 tham gia 02 phần hụi, bà Sa V3 xác định chưa hốt hụi và số tiền được hưởng khi hốt hụi chót là 54.000.000 đồng chưa trừ tiền huê hồng; bị đơn xác định bà V3 đã hốt hụi làm 02 đợt vào tại lần khui thứ 11 ngày 25/9/2021, bà V3 bỏ thăm 170.000 đồng trúng hốt hụi được 24.110.000 đồng, trừ tiền huê hồng 500.000 đồng tiền nợ hụi sống chưa chầu 830.000 đồng, số tiền còn lại đã nhận là 22.780.000 đồng và tại lần khui thứ 23 ngày 25/9/2022, bà V3 bỏ thăm 170.000 đồng trúng hụi hốt được số tiền 26.150.000 đồng, trừ tiền huê hồng 500.000 đồng và tiền hụi chết 01 phần 1.000.000 đồng số tiền bà V3 đã nhận là 24.650.000 đồng.

Xét hợp đồng góp hụi giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện; mục đích, hình thức, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong Hợp đồng góp hụi bà L là chủ hụi, bà V3 là hụi viên, hụi viên có nghĩa vụ phải góp hụi đầy đủ theo các kỳ khui hụi, ngược lại chủ hụi phải có nghĩa vụ giao đúng đủ số tiền lĩnh hụi có được khi hui viên trúng hụi.

Xét về chứng cứ các bên cung cấp thấy, nguyên đơn cung cấp giấy giao hụi số tiền 15.800.000 đồng, không thể hiện ngày, tháng, năm nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày giao là 17/9/2021 và giấy do chính bị đơn viết giao nguyên đơn tại nhà bà Néang Sa V. Căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Đủ cơ sở xác định ngày 17/9/2021 nguyên đơn có nhận số tiền 15.800.000 đồng giao dây hụi số 1 từ bị đơn, khi hốt hụi các bên có lập giấy ghi số tiền hụi giao khi nhận.

Đối với dây hụi số 2 ngày 15/10/2020 và dây hụi ngày 25/11/2020 xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lĩnh hụi có được đối với dây hụi số 2 ngày 15/10/2020 là 17.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử là 35 tháng 09 ngày và dây hụi ngày 25/11/2020 là 53.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày xét xử là 24 tháng 29 ngày. Bị đơn nại cho rằng nguyên đơn đã hốt hụi và giao tiền hụi đầy đủ cho nguyên đơn nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã giao tiền cho nguyên đơn.

Đối với dây hụi ngày 15/10/2020 tuy bị đơn xác định người hốt hụi chót là bà Nô R mẹ ruột của bị đơn và được các hụi viên gồm Néang K, Néang H xác nhận nhưng bà Nô R đã chết ngày 27/01/2023 theo giấy chứng tử ngày 18/02/2025, Toà án không thể thu thập chứng cứ được, phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh là bà Nô R là người hốt hụi chót không đủ cơ sở xác định người hốt hụi chót là bà Nô R.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định trong hợp đồng góp hụi bà V3 là hụi viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp tiền hụi theo

đúng kỳ mở hụi, tuy nhiên bà L là chủ hụi không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tiền hụi cho bà V3. Do đó, bà V3 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà L thực hiện nghĩa vụ giao trả tiền nợ hụi và tiền lãi chậm trả là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ hụi và tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất áp dụng là 10%/năm tính từ ngày kết thúc hụi nhưng nguyên đơn yêu cầu tính sau 03 ngày kể từ ngày kết thúc hụi và chỉ tính tròn tháng không tính ngày lẻ là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Cụ thể như sau:

+ Dây hụi ngày 15/10/2020 số tiền là 17.500.000 đồng tính từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử ngày 27/3/2025 là 35 tháng 09 ngày tính tròn 35 tháng số tiền là (17.500.000 x 10%:12) x 35 = 5.104.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 17.500.000 + 5.104.000 = 22.604.000 đồng.

+ Dây hụi ngày 25/11/2020 số tiền là 53.000.000 đồng tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày xét xử là 24 tháng 29 ngày tính tròn 24 tháng số tiền là (53.000.000 x 10%:12) x 24 = 10.600.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 53.000.000 + 10.600.000 = 63.600.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 22.604.000 + 63.600.000 = 86.204.000 đồng (gồm nợ gốc 70.500.0000đ + lãi 15.704.000đ).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên buộc bà Néang Kim L phải có trách nhiệm trả lại cho bà Néang Sa V số tiền vốn và lãi là 86.204.000đồng là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Néang Kim L kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình ngoài những tài liệu, chứng cứ mà cấp sơ thẩm đã xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Néang Kim L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Đối với quan điểm của Viện Kiểm sát không trái với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận, nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Néang Kim L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Néang Sa V đối với bà Néang Kim L.

Buộc bà Néang Kim L phải trả cho bà Néang Sa V số tiền 86.204.000 đồng (tám mươi sáu triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Néang Kim L phải chịu 4.310.000 đồng (bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Néang Sa V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012700 ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Néang Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo Biên lai thu số 0020075 đã nộp ngày 04/4/2025 tại Chi cục Thi hành án huyện T (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài